|  |
| --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**  BTCty  **HADUWACO**  **HADUWACO**  **HỢP ĐỒNG**  DỊCH VỤ CẤP NƯỚC  **Số:................../HĐDVCN**  ***Năm……….*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *............., ngày ..... tháng .... năm 201....* |

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC**

Số: /HĐDVCN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 củaQuốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007.

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc giavề xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012- 2015.

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung; và Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/QĐ-TTg.

Căn cứ vào các Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt các dự án cấp nước và phương án giá thành nước.

Căn cứ vào khả năng cung cấp nước của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dươngvà nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng.

Tại trụ sở Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

**I. ĐẠI DIỆN BÊN BÁN** (gọi tắt là bên A): **Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.**

Ông: Chức vụ:

(Theo Ủy quyền số: ngày của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty)

Địa chỉ:Số 10 đường Hồng Quang, P.Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348

Điện thoại : 0220.3.840.012 Fax: 0220.3.859.010

Tài khoản số: 116000092766 tại Ngân hàng Công Thương-chi nhánh Hải Dương

Tài khoản số: 46010002304145 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương

**II. ĐẠI DIỆN BÊN MUA (gọi tắt là bên B):**

Chủ hộ (đại diện hộ gia đình): ………………...……………………………...…………

Địa chỉ: …………………………………………………………......……………………

Số CMND/CCCD.................................ngày cấp…………………….Nơi cấp……….....

Số điện thoại: …………………………. …………………………………..……………

Số tài khoản: …………………… tại ngân hàng ………………………………………..

Hai bên thống nhất, thoả thuận và cam kết ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1**: **Mục đích sử dụng:**

Hai bên đồng ý mua, bán sử dụng nước sạch với khối lượng được xác định theo chỉ số trên đồng hồ đo đếm nước vào mục đích sinh hoạt.

**ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ**

**2.1. Tiêu chuẩn:**

2.1.1. Đường ống dẫn đến khách hàng tiêu thụ, đầu nối, các loại van và các phụ trợ khác phải phù hợp và đạt tiêu chuẩn của Việt Nam.

2.1.2. Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam và được các cơ quan quản lý nhà nước về đo lường, kiểm chuẩn và niêm phong.

**2.2. Chất lượng dịch vụ:**

2.2.1. Chất lượng nước sạch: Bên A đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch liên tục với chất lượng theo các quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế quy định.

2.2.2. Khối lượng: Khối lượng nước sạch bên A bán cho bên B theo nhu cầu sử dụng của bên B và phù hợp với điều kiện cấp nước của bên A, được xác định qua đồng hồ đo đếm nước, đơn vị tính mét khối (m3).

**ĐIỀU 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A**

**3.1. Bên A có quyền sau:**

3.1.1. Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định, được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường đồng và đồng hồ đo nước.

3.1.2. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hệ thống cấp nước, sử dụng nước và việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng đã thỏa thuận với bên B.

3.1.3. Yêu cầu bên B thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan khác đúng thời hạn theo quy định

3.1.4. Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để thực hiện ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra theo khoản 3.1.1 của điều này.

3.1.5. Được thu lại đồng hồ đo nước trong trường hợp bị hư hỏng, thay thế.

3.1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**3.2 Nghĩa vụ của bên A**

3.2.1. Bên A có trách nhiệm đầu tư đồng bộ hạ tầng hệ thống cấp nước đến điểm đấu nối của khách hàng.

Chi phí đấu nối với hệ thống cấp nước của bên A (bao gồm cụm đồng hồ, vật tư, nhân công ...) do khách hàng sử dụng chi trả sau khi đã thỏa thuận với bên A*(Theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 366/QĐ-TTg, Quyết định số 800/QĐ-TTg, Quyết định 121/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt các dự án cấp nước và phương án giá thành nước)*

3.2.2. Thiết kế, xây lắp, bảo trì, sử dụng và kiểm tra các thiết bị của khách hàng sử dụng nước được đấu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước phải đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

3.2.3. Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định đối với nước sinh hoạt của Bộ Y tế.

3.2.4. Đọc và ghi chính xác chỉ số đồng hồ cho bên B định kỳ hàng tháng, thông báo số lượng nước của bên B tiêu thụ trong tháng (nếu có yêu cầu), giải đáp ý kiến, yêu cầu của bên B liên quan đến dịch vụ cấp nước.

3.2.5. Phát hành hoá đơn tiền nước hàng tháng cho khách hàng.

3.2.6. Tiếp nhận và giải quyết theo quy định các kiến nghị, yêu cầu của bên B về các vấn đề liên quan đến mua bán, sử dụng nước sạch đã được thoả thuận trong hợp đồng này và các quy định hiện hành.

3.2.7. Có trách nhiệm kiểm tra, sửa chữa, xử lý, khôi phục việc cấp nước đến cụm đồng hồ đo nước khi xảy ra sự cố nhằm hạn chế thời gian ngừng cấp nước cho bên B.

3.2.8. Khi ngừng cấp nước với lý do kỹ thuật thì phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho khách hàng biết chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày ngừng cung cấp dịch vụ (trừ lý do bất khả kháng như: thiên tai, động đất, lũ lụt, chiến tranh….).

3.2.9. Thông báo chính xác đầy đủ cho người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện chung trước khi giao dịch.

3.2.10. Niêm yết công khai giá hàng hóa, dịch vụ tại địa điểm kinh doanh, văn phòng dịch vụ.

3.2.11. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành cho khách hàng khi nước sạch không đúng với các điều khoản đã cam kết ghi trong Hợp đồng.

3.2.12. Trường hợp bên A chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho bên thứ ba thì phải được sự đồng ý của bên B.

3.2.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B**

**4.1 Quyền của bên B**

4.1.1 Yêu cầu bên A phải cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng.

4.1.2 Yêu cầu bên A khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho bên B.

4.1.3. Được cung cấp thông tin: về giá cả, các quy định về quản lý dịch vụ cấp nước và sử dụng nước sạch kịp thời.

4.1.4. Yêu cầu bên A kiểm tra tính chính xác của đồng hồ đo đếm, số tiền nước phải thanh toán hàng tháng.

4.1.5. Có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại khi dịch vụ không đúng chất lượng, số lượng, tính năng, giá cả mà bên A đã công bố, niêm yết, quảng cáo hoặc cam kết.

4.1.6. Có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**4.2. Nghĩa vụ của bên B**

4.2.1. Thanh toán tiền nước, các loại phí đầy đủ, đúng thời hạn theo hoá đơn hàng tháng do bên A phát hành.

4.2.2. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã đăng ký. Khi có thay đổi về mục đích sử dụng nước thì phải thông báo cho bên A để áp lại giá theo qui định.

4.2.3. Thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản,

4.2.4. Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên bên A thực hiện việc ghi, đọc đồng hồ, thu tiền nước, kiểm tra việc sử dụng nước sạch, sửa chữa và bảo dưỡng mạng cấp nước.

4.2.5. Chỉ được lấy nước sạch qua đồng hồ được bên A lắp đặt, không được gian lận bằng bất cứ hình thức nào

4.2.6. Tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng nước sạch, bảo vệ đồng hồ đo nước, hệ thống ống dẫn nước từ họng cấp nước về đến nơi sử dụng. Trường hợp đồng hồ đo nước bị mất hoặc hư hỏng như: đứt kẹp chì, vỡ, cháy mặt kính, kẹt kim đồng hồ... phải báo cho bên A sửa chữa thay thế kịp thời.

4.2.7. Khi không sử dụng nước sạch, chuyển chổ ở mới thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 10 ngày để làm các thủ tục: ngừng cấp nước, thanh toán công nợ, thanh lý hợp đồng.

4.2.8. Trường hợp bên B chuyển giao hợp đồng từ chủ thể này cho chủ thể khác thì trong vòng 15 ngày kể từ khi tiếp nhận. Chủ thể mới phải đến làm thủ tục sang tên hợp đồng với bên A.

4.2.9. Không được xây dựng các công trình đè lên đường ống cấp nước. Nếu đường ống cấp nước nằm trong phạm vi xây dựng công trình thì bên B phải thông báo cho bên A có biện pháp di chuyển và bảo vệ kịp thời. Mọi chi phí bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

4.2.10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 5: Giá nước, phương thức và thời hạn thanh toán**

5.1. Giá bán nước sạch áp dụng theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

5.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

5.3. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

5.4. Bên B thanh toán tiền nước và nộp phí nước thải trên cơ sở khối lượng nước tiêu thụ qua đồng hồ hàng tháng cho bên A định kỳ 1 tháng 1 lần tại văn phòng công ty hoặc tại các điểm thu tiền nước sạch do bên A quy định.

5.5.Thời hạn thanh toán: Không quá 05 ngày kể từ ngày thông báo. Nếu khách hàng sử dụng nước chậm trả tiền nước quá 01 tháng (30 ngày) so với thời hạn thanh toán được quy định trong Hợp đồng thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho đơn vị cấp nước. Lãi suất của số tiền chậm trả không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

5.6. Trường hợp có sai sót về số liệu, giá bán, thì bên B thông báo cho bên A để hai bên giải quyết trước ngày phát hành hóa đơn của tháng liền kề.

**ĐIỀU 6: Điều kiện tạm ngừng cấp nước hoặc chấm dứt hợp đồng:**

***6.1 Tạm ngừng cấp nước trong các trường hợp sau:***

6.1.1. Do nguyên nhân khách quan như: mất điện, sự cố hệ thống ...

6.1.2. Bên B có yêu cầu vì các lý do hợp pháp như tạm vắng, tạm ngừng sử dụng nước trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng mua bán nước sạch;

6.1.3. Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoá đơn tiền nước hàng tháng hoặc vi phạm các qui định của hợp đồng dịch vụ cấp nước;

***6.2. Chấm dứt hợp đồng cấp nước trong các trường hợp sau:***

6.2.1. Bên B không có nhu cầu sử dụng hoặc bên A không đủ điều kiện cấp nước.

6.2.2. Hệ thống cấp nước của bên B hoặc bên A bị giải toả, di rời theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

6.2.3. Một trong hai bên không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, vi phạm quy định quản lý và sử dụng nước, nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định hiện hành.

6.2.4. Hai bên thoả thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

**ĐIỀU 7: Xử lý vi phạm hợp đồng:**

***7.1. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên B theo quy định của công ty và pháp luật hiện hành, trong các trường hợp sau:***

7.1.1. Bên A cung cấp nước sạch không đảm bảo chất lượng theo đúng chất lượng, số lượng đã cam kết làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, sức khỏe của người sử dụng nước sạch.

7.1.2. Khi bên A làm hư hỏng hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của bên B thì bên A phải bồi thường bằng giá trị thực tế phần hư hỏng.

7.1.3. Bên A ghi sai chỉ số đồng hồ đo nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn thực tế sử dụng của bên B thì bên A hoàn trả số tiền thu thừa bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu thừa tiền nước. Lãi suất của số tiền thu thừa không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

***7.2. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A theo quy định của công ty và pháp luật hiện hành, trong các trường hợp sau:***

7.2.1. Tự ý sửa chữa, cải tạo, thay thế đường ống dẫn nước, họng cấp nước, đồng hồ đo nước và những phụ kiện khác.

7.2.2. Tự ý tháo lắp đồng hồ đo nước, di chuyển vị trí đồng hồ đo nước, làm hư hỏng kẹp chì và đồng hồ đo nước.

7.2.3. Tự ý mở thêm họng lấy nước không qua đồng hồ và bán nước cho các hộ khác.

7.2.4. Dùng các biện pháp khống chế đồng hồ đo nước để đồng hồ không quay, quay chậm, hoặc quay ngược.

7.2.5. Tự ý chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nước sạch, hệ thống nước sạch tới nơi ở mới.

7.2.6. Thải nước thải, chất gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước.

7.2.7. Trường hợp thiệt hại xảy ra vì lý do bất khả kháng thì hai bên thương thảo thỏa thuận giải quyết.

**ĐIỀU 8: Điều khoản chung**

8.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng và các quy định hiện hành của pháp luật về mua bán sử dụng nước sạch.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 ngày để cùng giải quyết.

8.3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện đến khi thanh lý hoặc chấm dứt hợp đồng./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN MUA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**QUY ĐỊNH**

**Về việc xử lý vi phạm trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước**

*(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước)*

**1. Đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng của bên A**

- Trường hợp bên A cung cấp nước sạch không đảm bảo chất lượng theo quy định ảnh hưởng đến sinh hoạt của người sử dụng nước sạch thì phải bồi thường cho bên B toàn bộ số tiền bên B bỏ ra ứng với khối lượng nước không đảm bảo chất lượng.

- Khi bên A làm hư hỏng hệ thống cấp nước và đồng hồ đo nước của bên B thì bên A bồi thường bằng giá trị thực tế phần hư hỏng.

- Bên A ghi sai chỉ số đồng hồ đo nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn thực tế sử dụng của bên B thì bên A hoàn trả số tiền thu thừa cho bên B.

**2. Đối với trường hợp vi phạm hợp đồng của bên B**

***2.1. Đục đường ống, lấy nước không qua đồng hồ, khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức (tất cả các trường hợp trên bên A sẽ đơn phương ngừng cấp nước, sau 3 tháng mới xem xét để cấp nước trở lại.***

- Đục ống lấy nước không qua đồng hồ, bên B phải nộp tiền nước truy thu. Mức truy thu được tính như sau: Thời gian tính truy thu ít nhất là 01 năm (365 ngày) với lượng nước tính truy thu mỗi ngày ít nhất là 2m3, giá nước tính truy thu là giá dịch vụ. Đối với trường hợp thời gian lắp đặt < 1 năm tính đến thời điểm phát hiện vi phạm thì mức truy thu được tính từ ngày lắp đặt bàn giao cụm đồng hồ.

- Khống chế đồng hồ bằng mọi hình thức, bên B phải nộp tiền nước truy thu. Mức truy thu được tính như sau: Thời gian tính từ ngày lắp, bàn giao đồng hồ đo nước, mức tối thiểu là 02 giờ/ ngày, lưu lượng nước tính bằng mức nhỏ nhất là 0,2lít/giây, giá nước để tính truy thu là giá nước dịch vụ tại thời điểm xử lý vi phạm hợp đồng. Phải thay thế đồng hồ mới và kinh phí bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

***2.2. Tự ý di chuyển đồng hồ, để đồng hồ bị mất, hư hỏng, làm đứt niêm phong chì, bên B phải:***

- Thanh toán toàn bộ chi phí cho việc tháo, kiểm định và tháo lắp lại đồng hồ (trong trường hợp kiểm định đồng hồ không còn đảm bảo chất lượng hoặc làm mất đồng hồ thì bên B phải thanh toán chi phí thay đồng hồ mới).

- Tiền nước thanh toán của tháng vi phạm được tính như sau: Lấy sản lượng nước của tháng cao nhất trong năm và thanh toán theo giá nước dịch vụ.

***2.3. Thanh toán tiền nước không đúng thời hạn:***

- Quá hạn 03 ngày thì bên B phải ký cam kết về việc không tiếp tục vi phạm

- Quá hạn 05 ngày bên A tạm ngừng cấp nước sau khi thanh toán số tiền tiền nợ thì mới được xem xét đấu nối trở lại. Mọi chi phí đấu nối bên B phải thanh toán.

***2.4 Sử dụng nước không đúng mục đích đã đăng ký, bán lại nước sạch không được sự đồng ý của bên A.***

Bên B phải thanh toán tiền nước theo giá dịch vụ.